

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2014



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1,
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61005161/16549163-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải và các công ty con ("Tập đoàn") được lập vào ngày 24 tháng 3 năm 2015 và được trình bày từ trang 5 đến trang 46, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Quang Minh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 0426-2013-004-1



Nguyễn Thanh Sang
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1541-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2014

Ngàn VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		10.449.090.861	7.245.958.383
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	491.483.328	504.764.737
111	1. Tiền		384.533.328	476.131.455
112	2. Các khoản tương đương tiền		106.950.000	28.633.282
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6	25.313.000	50.529.517
121	1. Đầu tư ngắn hạn		30.377.848	55.594.365
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(5.064.848)	(5.064.848)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.185.324.109	2.381.929.930
131	1. Phải thu khách hàng	7	1.213.964.778	994.497.035
132	2. Trả trước cho người bán	8	859.778.285	1.294.586.825
135	3. Các khoản phải thu khác	9	113.156.637	96.023.457
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(1.575.591)	(3.177.387)
140	IV. Hàng tồn kho	10	6.409.499.353	3.815.432.994
141	1. Hàng tồn kho		6.444.751.909	3.818.790.113
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(35.252.556)	(3.357.119)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.337.471.071	493.301.205
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	151.643.467	42.764.563
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		86.895.263	57.577.162
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		4.145.095	4.445.931
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	12	1.094.787.246	388.513.549
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		8.481.605.611	7.076.240.605
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	25.000.000
218	1. Phải thu dài hạn khác		-	25.000.000
220	II. Tài sản cố định		5.533.843.371	4.905.593.261
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	2.885.090.287	2.518.792.872
222	Nguyên giá		4.505.003.902	3.732.427.632
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.619.913.615)	(1.213.634.760)
227	2. Tài sản vô hình	14	2.236.350.315	2.001.338.626
228	Nguyên giá		2.290.325.122	2.042.201.237
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(53.974.807)	(40.862.611)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	412.402.769	385.461.763
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	17	2.088.934.394	1.425.877.079
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		2.033.532.281	1.386.408.249
258	2. Đầu tư dài hạn khác		83.702.613	67.769.330
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(28.300.500)	(28.300.500)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		618.110.451	438.636.660
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	18	556.937.596	366.805.286
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	34.3	59.506.829	70.553.516
268	3. Tài sản dài hạn khác		1.666.026	1.277.858
269	V. Lợi thế thương mại	19	240.717.395	281.133.605
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		18.930.696.472	14.322.198.988

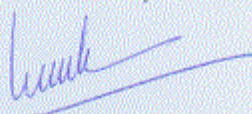
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2014


Ngân VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		10.497.039.112	9.028.315.369
310	I. Nợ ngắn hạn		9.582.636.403	7.661.983.469
311	1. Vay ngắn hạn	20	5.004.971.232	3.693.321.547
312	2. Phải trả người bán	21	3.397.323.791	2.993.824.445
313	3. Người mua trả tiền trước	22	154.974.677	121.411.941
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	23	680.174.752	600.965.937
315	5. Phải trả người lao động		2.803.001	11.980.245
316	6. Chi phí phải trả	24	211.538.560	168.308.084
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	25	62.788.540	18.602.345
320	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	26	66.980.661	47.985.836
323	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.081.189	5.583.089
330	II. Nợ dài hạn		914.402.709	1.366.331.900
331	1. Phải trả người bán dài hạn		668.850	984.208
333	2. Phải trả dài hạn khác		18.399.293	16.503.178
334	3. Vay dài hạn	27	894.332.652	1.348.324.471
338	4. Doanh thu chưa thực hiện		1.001.914	520.043
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		8.390.827.677	5.240.575.306
410	I. Vốn chủ sở hữu	28.1	8.390.827.677	5.240.575.306
411	1. Vốn cổ phần		3.525.000.000	3.250.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.244.618.837	859.618.837
414	3. Cổ phiếu quỹ		(6.840.000)	(6.840.000)
416	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(1.479.817)	705.533
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.629.528.657	1.137.090.936
439	C. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG THIẾU SỐ		42.829.683	53.308.313
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		18.930.696.472	14.322.198.988

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (US\$)	522.805	805.489
- Yên Nhật (JPY)	657.029	3.023.292
- Won Hàn Quốc (KRW)	203.282	2.045.815


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Quốc Tuấn
Kế toán trưởng


Trần Bá Dương
Chủ tịch



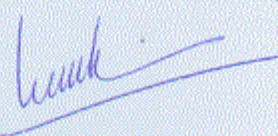
Ngày 24 tháng 3 năm 2015


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng năm 2014


Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.1	24.308.147.052	14.751.596.657
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	29.1	(2.379.666.202)	(1.446.568.493)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.1	21.928.480.850	13.305.028.164
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	30, 33	(16.857.911.188)	(10.677.167.309)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.070.569.662	2.627.860.855
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	29.2	168.055.854	113.930.672
22	7. Chi phí tài chính	31	(447.918.418)	(549.334.765)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(267.659.864)	(470.486.392)
24	8. Chi phí bán hàng	33	(931.411.655)	(626.796.136)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	33	(526.917.946)	(445.882.640)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.332.377.497	1.119.777.986
31	11. Thu nhập khác	32	73.193.489	56.500.307
32	12. Chi phí khác	32	(24.864.446)	(78.125.925)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác	32	48.329.043	(21.625.618)
45	14. Phần lỗ từ công ty liên kết		(4.970.968)	(2.218.869)
50	15. Tổng lợi nhuận trước thuế		3.375.735.572	1.095.933.499
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	34.1	(84.035.555)	(34.243.914)
52	17. (Chi phí) lợi ích thuế TNDN hoãn lại	34.3	(11.046.687)	59.505.175
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		3.280.653.330	1.121.194.760
61	18.1 Phần thuộc các cổ đông thiểu số		12.642.251	(18.481.602)
62	18.2 Lợi nhuận thuộc về các cổ đông của công ty mẹ		3.268.011.079	1.139.676.362
70	19. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu)	28.5	9.561	3.509




Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Quốc Tuấn
Kế toán trưởng


Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 24 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		3.375.735.572	1.095.933.499
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	13, 14, 19	482.010.114	448.264.631
03	Các khoản dự phòng		30.293.641	4.634.947
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	29.2, 31	(10.036.656)	(35.166.333)
05	(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư		(9.051.155)	17.553.788
06	Chi phí lãi vay	31	267.659.864	470.486.392
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		4.136.611.380	2.001.706.924
09	Tăng các khoản phải thu		(1.015.490.282)	(401.362.764)
10	Tăng hàng tồn kho		(2.625.961.796)	(356.660.352)
11	Tăng các khoản phải trả		648.514.356	1.989.655.656
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(314.760.384)	83.704.177
13	Tiền lãi vay đã trả		(309.909.953)	(470.198.535)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	34.2	(66.205.137)	(33.825.136)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.281.554	2.175.828
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.373.693)	(36.834.594)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		449.706.045	2.778.361.204
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(1.073.160.982)	(685.752.148)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định	32	6.221.260	1.865.374
23	Tiền chi cho các đơn vị khác vay		(107.155.889)	(273.139.470)
24	Tiền thu hồi khoản cho vay		59.311.492	538.643.244
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(101.015.317)	(450.000.000)
27	Lãi tiền gửi và cổ tức nhận được		11.117.831	20.035.333
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(1.204.681.605)	(848.347.667)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		660.000.000	-
33	Tiền vay nhận được		18.385.815.749	15.602.046.010
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(17.529.005.043)	(16.961.600.244)
36	Cổ tức đã trả	28.3	(771.314.205)	(323.058.996)
	Cổ tức trả cho cổ đông thiểu số		(1.617.000)	(401.800)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		743.879.501	(1.683.015.030)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Ngân VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	(Giảm) tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(11.096.059)	246.998.507
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		504.764.737	257.060.697
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(2.185.350)	705.533
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	491.483.328	504.764.737

Đỗ Thị Liên Chi
Người lập

Nguyễn Quốc Tuấn
Kế toán trưởng



Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 24 tháng 3 năm 2015